

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 100/2018/HS-ST
Ngày 31 tháng 8 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Nữ Hương Huyền.

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Bùi Thanh Bình- Cán bộ nghỉ hưu và bà Bùi Thị Thu Hằng- Giáo viên nghỉ hưu

Thư ký phiên toà: Bà Không Phương Thùy- Thư ký Toà án Nhân dân thành phố Vĩnh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Vĩnh Yên tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 90/2018/HS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 94/2018/HSST- QĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2018/HSST- QĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Quang T , sinh ngày 02/7/2000 tại Vĩnh Phúc (tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 09 tháng 23 ngày); nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V , tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thế D và bà Nguyễn Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/4/2018 cho đến nay (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Quang T : Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V , tỉnh Vĩnh Phúc (là mẹ đẻ của bị cáo T , có mặt).

Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Quang T : Bà Kim Hồng Thanh, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Văn Đ , sinh ngày 25/11/2000; nơi cư trú: Thôn N, xã Yên B, huyện V , tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Văn Đ : Ông Nguyễn Văn C , sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn N, xã Yên B, huyện V , tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 25/4/2018, tại khu vực Cầu Oai (bên này cầu), thuộc tổ dân phố Vĩnh Thịnh 4, phường Tích Sơn, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Tổ công tác Công an thành phố Vĩnh Yên phát hiện và bắt quả tang Nguyễn Quang T có hành vi bán trái phép chất ma túy cho đối tượng nghiện ma túy là Nguyễn Văn Đ .

Tang vật thu giữ gồm có: Thu tại túi quần bên trái phía trước đang mặc của T số tiền 1.000.000 đồng, trong đó có 500.000 đồng T khai là tiền do T vừa bán ma túy cho Đ mà có; tạm giữ của T 01 xe máy biển kiểm soát 88B1-189.XX và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng; thu giữ tại túi quần bên phải của Đ đang mặc 01 gói nilon bên trong có chứa các hạt tinh thể dạng đá màu trắng, Đ khai vừa mua được của T với giá 500.000đ, vật chứng được niêm phong có ký hiệu A1; tạm giữ của Đ 01 điện thoại di động Nokia đã qua sử dụng.

Ngày 25/4/2018, Cơ quan điều tra ra Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Quang T . Quá trình khám xét khẩn cấp không tạm giữ và thu giữ đồ vật, tài sản gì.

Tại kết luận giám định số: 541/KLGĐ ngày 29/4/2018, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: *“Tinh thể dạng đá của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy lẫn tạp chất, loại Methamphetamine. Khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,0744g không kể bao bì. Khối lượng Methamphetamine có trong 0,0744g mẫu là 0,0453g. Hoàn trả trực tiếp đối tượng giám định còn lại sau giám định cho Cơ quan trưng cầu gồm 0,0000g mẫu cùng toàn bộ bao gói”*.

Quá trình điều tra còn xác định: Ngoài lần bán ma túy cho Đ bị bắt quả tang như đã nêu trên, thì trước đó T còn bán ma túy cho Đ 01 lần khác, cụ thể như sau: Khoảng 15 giờ ngày 25/4/2018, vẫn tại khu vực Cầu Oai (bên kia cầu), thuộc khu phố 1, phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, T có bán cho Đ 01 gói ma túy đá với giá 500.000 đồng. Sau khi mua, Đ đem gói ma túy về nhà và một mình sử dụng hết.

Về nguồn gốc 02 gói ma túy đá bán cho Đ , Nguyễn Quang T khai nhận: Khoảng 20 giờ ngày 24/4/2018, T bắt xe taxi ở dọc đường, T không nhớ biển kiểm soát và hãng xe xuống khu vực bến xe cũ thuộc phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc gặp một người phụ nữ tên “Liên” nhưng không biết rõ nhân thân và địa chỉ của Liên ở đâu. Tại đây, T đã mua của Liên 01 gói ma túy đá với giá 600.000 đồng. Sau khi mua được ma túy của Liên, T mang về nhà và chia gói ma túy này ra làm 02 gói nhỏ và cất giấu trong người. Khoảng 15 giờ và 17 giờ ngày 25/4/2018, khi Đ hỏi mua ma túy T đã bán cho Đ 02 gói này như nội dung đã nêu trên để kiếm lời.

Tại Cáo trạng số: 94/VKSTPVY ngày 20/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Quang T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo Nguyễn Quang T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Quang T vẫn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra đã khai nhận: Trong ngày 25/4/2018, Đ đã hai lần mua ma túy của T để sử dụng; cụ thể: Khoảng 15 giờ ngày 25/4/2018, tại khu vực Cầu Oai, thuộc phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Đ có mua của T 01 gói ma túy đá với giá 500.000đ. Sau khi mua, Đ đem gói ma túy về nhà và một mình sử dụng hết. Đến khoảng 16h ngày 25/4/2018, Đ tiếp tục gọi điện cho T hỏi mua thêm 01 gói ma túy đá nữa với giá 500.000đ. T đồng ý bán và hẹn gặp Đ ở khu vực Cầu Oai, thuộc tổ dân phố Vĩnh Thịnh 4, phường Tích Sơn, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Gặp nhau, Đ đưa cho T số tiền 500.000đ, T cầm tiền đút vào túi quần và lấy 01 gói ma túy đá đưa cho Đ thì bị Công an bắt quả tang và thu giữ vật chứng (bút lục số 15 và từ bút lục 62 - 67).

Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên (bút lục 16 và từ bút lục 72 -76).

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù; áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ bao gói ma túy hoàn lại sau giám định; tịch thu bán sung quỹ Nhà nước 02 chiếc điện thoại di động đã thu giữ của Nguyễn Quang T và Nguyễn Văn Đ ; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 500.000 đồng thu giữ của Nguyễn Quang T ; truy thu của Nguyễn Quang T số tiền 500.000 đồng để sung quỹ Nhà nước; trả lại Nguyễn Quang T số tiền 500.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án; xác nhận Cơ quan điều tra đã thu và trao trả cho anh Nguyễn Văn Nam chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88B1-189.XX là hợp pháp.

Người bào chữa của bị cáo, Trợ giúp viên pháp lý bà Kim Hồng Thanh có quan điểm: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự thú khai nhận về hành vi phạm tội trước đó; bị cáo là người chưa thành niên nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo nhất trí với bản luận cứ bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý và không có bào chữa, tranh luận bổ sung gì khác. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội nêu trên của bị cáo Nguyễn Quang T tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 15 giờ đến 17 giờ ngày 25/4/2018, bị cáo Nguyễn Quang T đã 02 lần bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Văn Đ ; hành vi cụ thể như sau:

- Khoảng 15 giờ ngày 25/4/2018, tại khu vực Cầu Oai (bên kia cầu), thuộc khu phố 1, phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Quang T đã có hành vi bán trái phép 01 gói ma túy đá cho Nguyễn Văn Đ để lấy số tiền 500.000 đồng.

- Khoảng 17 giờ ngày 25/4/2018, vẫn tại khu vực Cầu Oai (bên này cầu), thuộc tổ dân phố Vĩnh Thịnh 4, phường Tích Sơn, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, bị cáo Nguyễn Quang T đã có hành vi bán trái phép 01 gói ma túy đá cho Nguyễn Văn Đ để lấy số tiền 500.000 đồng thì bị tổ công tác Công an thành phố Vĩnh Yên phát hiện và bắt quả tang. Tang vật thu giữ là 01 gói nilon bên trong có các hạt tinh thể dạng đá màu trắng được giám định là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,0744g; khối lượng Methamphetamine có trong 0,0744g mẫu là 0,0453g.

Hành vi 02 lần bán ma túy của Nguyễn Quang T nêu trên đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù từ 07 đến 15 năm.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội, ảnh hưởng đến nòi giống, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người; gây ra một lớp người nghiện trong xã hội làm tác hại cho chính bản thân người nghiện và gia đình họ cũng như cho cộng đồng nói chung. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo quy định tại khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 15 năm tù nên theo quy định tại điểm

c khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm rất nghiêm trọng.

Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt vì chưa có tiền án, tiền sự, nhưng hành vi được thực hiện với lỗi cố ý, động cơ là thu lợi bất chính, hiện tại trên địa bàn thành phố Vĩnh Yên các tội phạm về ma túy có chiều hướng gia tăng, đây là nguyên nhân làm mất ổn định tình hình an ninh chính trị tại địa phương và phát sinh các tội phạm khác trong xã hội. Do đó, việc cho bị cáo được cải tạo tại địa phương sẽ không có tác dụng giáo dục nói chung, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, tại thời điểm phạm tội mới 17 tuổi 09 tháng 23 ngày, ở lứa tuổi này do sự phát triển chưa đầy đủ về mặt tâm, sinh lý, đang ở giai đoạn phát triển và hình thành nhân cách và chưa thể có suy nghĩ chín chắn trong các hành vi của mình dẫn đến có những sai phạm. Theo chính sách hình sự của Nhà nước được quy định trong Bộ luật Hình sự thì việc xử lý người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức hình phạt tù mà điều luật quy định theo quy định tại khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Khi quyết định hình phạt có xem xét đến các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tự thú và khai nhận về hành vi đã phạm tội trước đó” để giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm r, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo là người chưa thành niên và không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người Bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và người Bào chữa đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Đối với những người có liên quan đến vụ án gồm: Người phụ nữ tên Liên, T khai Liên đã bán ma túy cho T nhưng T không biết họ, tên đệm; nhân

thân và địa chỉ cụ thể của Liên nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ đề cập xử lý sau là có căn cứ, đúng pháp luật. Đối tượng Nguyễn Văn Đ là người đã mua ma túy đá của T để sử dụng nhưng khối lượng ma túy thu giữ chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định của Nghị định số 167/2013/ NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính Phủ là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Về vật chứng: Đối với các bao gói ma túy hoàn lại sau giám định không có giá trị sử dụng cần tịch thu để tiêu hủy; đối với 02 chiếc điện thoại di động đã thu giữ của Nguyễn Quang T và Nguyễn Văn Đ , đây là phương tiện để các đối tượng liên lạc vào việc phạm tội nên cần tịch thu bán sung quỹ Nhà nước; đối với số tiền 1.000.000 đồng đã thu giữ của Nguyễn Quang T , quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định trong số tiền này có 500.000 đồng là tiền do T bán ma túy cho Đ mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước, số tiền 500.000 đồng còn lại không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho bị cáo nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án; đối với số tiền 500.000 đồng Nguyễn Quang T bán ma túy cho Đ vào hồi 15 giờ ngày 25/4/2018 nhưng không thu giữ được cần truy thu để tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88B1-189.XX T đã sử dụng làm phương tiện để phạm tội, nhưng quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là của anh Nguyễn Văn Nam, trước khi phạm tội anh Nam cho T mượn để đi chơi và không biết T sẽ dùng chiếc xe máy làm phương tiện để phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho anh Nam, nay anh Nam không yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 25/4/2018).

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy các bao gói ma túy hoàn lại sau giám định; tịch thu bán sung quỹ Nhà nước 02 chiếc điện thoại di động đã thu giữ của Nguyễn Quang T và Nguyễn Văn Đ ; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 500.000 đồng đã thu giữ của Nguyễn Quang T ; truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 500.000 đồng của Nguyễn Quang T ; trả lại Nguyễn Quang T số tiền 500.000 đồng nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án (Đặc điểm tang vật như Biên bản bàn giao vật chứng ngày 20/7/2018).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Quang T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát thành phố Vĩnh Yên;
- Công an thành phố Vĩnh Yên;
- Trại tạm giam - CA Vĩnh Phúc;
- Chi cục thi hành án Vĩnh Yên;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Nữ Hương Huyền